

**CÔNG TY TNHH HAI THÀNH  
VIÊN TUYẾT MAI BMT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 207/CV – TMBMT**

\*\*\*

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 07 năm 2026

(V/v: đề nghị phối hợp công khai  
Quyết định phê duyệt kết quả thẩm  
định Báo cáo đánh giá tác động môi  
trường của Dự án “Trang trại chăn  
nuôi heo thịt Ea Sô”)

**Kính gửi: UBND XÃ EA KNÓP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Công ty TNHH HTV Tuyết Mai BMT là Chủ đầu tư Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô” tại xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.

Dự án đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 02097/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô”.

Để thực hiện việc công khai theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty kính đề nghị UBND xã Ea Knốp phối hợp niêm yết công khai nội dung Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tại trụ sở UBND xã theo quy định.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Bản sao Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.
2. Thông báo công khai nội dung Quyết định phê duyệt.
3. Các tài liệu liên quan (nếu có).

Công ty rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Văn thư



**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

(Ký tên, đóng dấu)

**PHẠM THỊ MẪN**

**CÔNG TY TNHH HAI THÀNH  
VIÊN TUYẾT MAI BMT**

**Số: 07/TB – TM**

*(V/v: thông báo công khai thông tin  
Quyết định phê duyệt kết quả thẩm  
định Báo cáo đánh giá tác động môi  
trường của Dự án “Trang trại chăn  
nuôi heo thịt Ea Sô”)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 07 năm 2026

**Kính gửi: UBND XÃ EA KNÓP - TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chúng tôi là: Công ty TNHH Hai thành viên Tuyết Mai BMT, chủ đầu tư của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô”. Công ty chúng tôi thông báo công khai các nội dung chính liên quan đến dự án như sau:

1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hai thành viên Tuyết Mai BMT.
3. Địa điểm thực hiện: Xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.
4. Quy mô dự án:
  - Diện tích khoảng 175.954 m<sup>2</sup>.
  - Công suất thiết kế 30.000 con/lứa, gồm 20.000 con heo thịt và 10.000 con heo cai sữa; 02 lứa/năm.
5. Công ty đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt cấp Quyết định số 02097/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô”.

Căn cứ Khoản 1, Điều 102, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Công ty TNHH HTV Tuyết Mai BMT xin gửi đến UBND Xã Ea Knốp quyết định số 02097/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (đính kèm văn bản) để Quý cơ quan thực hiện công khai thông tin môi trường trên trang thông tin điện tử.

Kính mong Quý Cơ quan xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Văn thư



**GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Thị Mẫn*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**Số 02097/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Đắk Lắk, ngày 18 tháng 11 năm 2025**

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô”**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 07/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.*

*Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/09/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô của Công ty TNHH Hai thành viên Tuyết Mai BMT đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 10/10/2025 (kèm theo Công văn số 1011/CV-TMBTM ngày 10/11/2025 của Công ty TNHH Hai thành viên Tuyết Mai BMT về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 0396/TTr-SNNMT ngày 14/11/2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

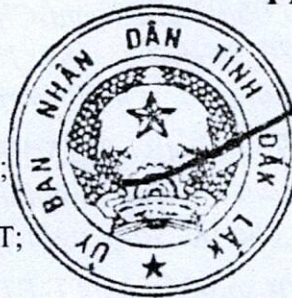
**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hai thành viên Tuyết Mai BMT (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã Ea Knốp;
- Công ty TNHH HTV Tuyết Mai BMT;  
(Đ/c: Xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT EA SÔ**  
(Kèm theo Quyết định số 02097/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hai thành viên Tuyệt Mai BMT.
- Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô được UBND tỉnh Đắk Lắk quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 28/5/2025.

**1.2. Quy mô, công suất**

- Dự án thực hiện trên diện tích 175.954 m<sup>2</sup> đất tại xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí tọa độ các điểm khép góc ranh giới khu vực dự án được giới hạn bởi các điểm sau:

| TT | Tọa độ<br>(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến<br>trục 108°30', múi chiếu 3°) |           | TT | Tọa độ<br>(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến<br>trục 108°30', múi chiếu 3°) |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    | X (m)                                                                   | Y (m)     |    | X (m)                                                                   | Y (m)     |
| 1  | 1424254.00                                                              | 511356.79 | 12 | 1423947.03                                                              | 511527.78 |
| 2  | 1424286.20                                                              | 511252.84 | 13 | 1423940.37                                                              | 511556.75 |
| 3  | 1424284.15                                                              | 511247.59 | 14 | 1423953.72                                                              | 511614.67 |
| 4  | 1424256.58                                                              | 511143.07 | 15 | 1423948.20                                                              | 511693.21 |
| 5  | 1424214.19                                                              | 511136.43 | 16 | 1423988.05                                                              | 511678.91 |
| 6  | 1424205.48                                                              | 511183.93 | 17 | 1424337.68                                                              | 511731.83 |
| 7  | 1424114.48                                                              | 511268.22 | 18 | 1424427.94                                                              | 511760.90 |
| 8  | 1424105.57                                                              | 511291.75 | 19 | 1424416.81                                                              | 511436.63 |
| 9  | 1424089.33                                                              | 511324.05 | 20 | 1424404.66                                                              | 511421.99 |

| TT | Tọa độ<br>(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến<br>trục 108°30', múi chiều 3°) |           | TT | Tọa độ<br>(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến<br>trục 108°30', múi chiều 3°) |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    | X (m)                                                                   | Y (m)     |    | X (m)                                                                   | Y (m)     |
| 10 | 1424029.05                                                              | 511443.92 | 21 | 1424254.00                                                              | 511356.79 |
| 11 | 1423944.66                                                              | 511488.01 |    |                                                                         |           |

- Công suất thiết kế: 30.000 con heo/lứa (02 lứa/năm), trong đó: 20.000 con heo thịt và 10.000 heo cai sữa.

### 1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình nuôi và xuất bán heo thịt: Nhập heo con (21 - 24 ngày tuổi) → Kiểm tra chất lượng → Nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian 5,5 tháng → Heo thịt (đạt trọng lượng khoảng 105 kg) → Xuất bán.

- Quy trình nuôi và xuất bán heo cai sữa: Nhập heo con (21 - 24 ngày tuổi) → Nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian 07 tuần (đạt trọng lượng khoảng 20kg) → Xuất bán.

### 1.4. Các hạng mục công trình của dự án:

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

| TT        | Công trình                             | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----------|----------------------------------------|----------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các hạng mục công trình chính</b>   |                                  |
| 1         | Chuồng heo cai sữa (07 chuồng)         | 4.393,20                         |
| 2         | Chuồng heo thịt (16 chuồng)            | 22.356,80                        |
| <b>II</b> | <b>Các hạng mục công trình phụ trợ</b> |                                  |
| 1         | Nhà bảo vệ và sát trùng xe máy         | 92,61                            |
| 2         | Nhà sát trùng khu sinh hoạt            | 68,31                            |
| 3         | Nhà ăn và bếp                          | 151,06                           |
| 4         | Nhà văn phòng                          | 121,38                           |
| 5         | Nhà ở 1                                | 192,40                           |
| 6         | Nhà ở 2                                | 248,56                           |

| TT | Công trình                   | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|----|------------------------------|----------------------------------|
| 7  | Bể nước 1.200 m <sup>3</sup> | 281,25                           |
| 8  | Tháp nước 40 m <sup>3</sup>  | 60,59                            |
| 9  | Sân thể dục thể thao         | 1.036,58                         |
| 10 | Nhà sát trùng xe tải         | 94,00                            |
| 11 | Nhà công nhân cách ly        | 35,36                            |
| 12 | Kho dụng cụ cơ khí           | 92,66                            |
| 13 | Nhà sát trùng khu sản xuất   | 110,40                           |
| 14 | Kho thuốc và nhà vệ sinh     | 28,56                            |
| 15 | Đường lùa heo                | 1.310,68                         |
| 16 | Nhà đẻ xác heo               | 40,96                            |
| 17 | Đài xuất heo                 | 24,00                            |
| 18 | Đài nhập heo                 | 13,50                            |
| 19 | Cầu xuất, nhập heo           | 12,00                            |
| 20 | Cân heo 2,5 tấn              | 23,24                            |
| 21 | Nhà xuất bán heo             | 192,20                           |
| 22 | Móng silo cám                | 271,60                           |
| 23 | Nhà hủy xác                  | 468,48                           |
| 24 | Nhà tắm khu hủy xác          | 6,48                             |
| 25 | Nhà rửa xe và Kho dụng cụ    | 125,34                           |
| 26 | Phòng cân                    | 9,60                             |
| 27 | Nhà sát trùng tài xế         | 14,50                            |
| 28 | Nhà công nhân xuất bán       | 51,52                            |
| 29 | Nhà vệ sinh khu xuất bán     | 11,57                            |

| TT         | Công trình                                       | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 30         | Cầu cân xe tải 60 tấn                            | 71,18                            |
| 31         | Nhà tắm khu xuất bán bên ngoài                   | 13,91                            |
| 32         | Nhà tắm khu xuất bán bên trong                   | 7,48                             |
| 33         | Nhà công nhân rửa xe                             | 51,52                            |
| 34         | Nhà đậu xe                                       | 231,00                           |
| 35         | Trạm biến áp và nhà máy phát điện                | 155,81                           |
| <b>III</b> | <b>Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b> |                                  |
| 1          | Hệ thống thu gom thoát nước mưa                  | -                                |
| 2          | Hệ thống thu gom thoát nước thải                 | -                                |
| 3          | Cụm xử lý nước thải                              | 63,00                            |
| 4          | Bể lắng phân                                     | 113,04                           |
| 5          | Sân phơi bùn                                     | 211,20                           |
| 6          | Hầm biogas                                       | 3.811,97                         |
| 7          | Hồ lắng 1                                        | 2.858,33                         |
| 8          | Hồ lắng 2                                        | 2.392,73                         |
| 9          | Hồ lắng 3                                        | 1.786,14                         |
| 10         | Hồ chứa nước sau xử lý (02 hồ)                   | 8000,30                          |
| 11         | Hồ sục cố                                        | 308,13                           |
| 12         | Hồ chứa nước mưa (04 hồ)                         | 5.700                            |
| 13         | Hành lang, khu trung gian                        | 4.461,69                         |
| 14         | Nhà để máy ép phân và kho phân                   | 200,00                           |
| 15         | Kho chứa chất thải nguy hại                      | 15,00                            |
| 16         | Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường      | 15,00                            |

| TT | Công trình                    | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|----|-------------------------------|----------------------------------|
| 17 | Nhà vận hành hệ thống khử mùi | 180,00                           |
| 18 | Hệ thống khử mùi              | 3.449,52                         |
| IV | <b>Đất giao thông nội bộ</b>  | 33.540,12                        |
| V  | <b>Đất cây xanh</b>           | 76.377,53                        |

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng (trừ hoạt động phát quang, thu dọn mặt bằng); khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2. Các hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động của máy móc thiết bị thi công, hoạt động thi công xây dựng các công trình làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung.

- Sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải và chất thải rắn sinh hoạt.

- Công tác vệ sinh, phát quang, quá trình thi công phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại.

### **2.2. Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động phát sinh bụi, khí thải, gây mùi hôi: Hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc, vắc xin, sản phẩm và chất thải chăn nuôi ra vào trang trại; hoạt động chăn nuôi heo thịt, heo con cai sữa; hoạt động của hệ thống xử lý mùi hôi phía sau giàn quạt hút chuồng nuôi; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động đốt khí biogas dư từ các bể biogas.

- Hoạt động phát sinh nước thải: Sinh hoạt của công nhân và nước thải từ quá trình chăn nuôi heo.

- Hoạt động phát sinh chất thải rắn thông thường: Sinh hoạt của công nhân; quá trình chăn nuôi heo (phân heo và thức ăn dư thừa, heo chết không do dịch

bệnh, bao bì đựng thức ăn chăn nuôi); bùn thải từ hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải.

- Hoạt động phát sinh chất thải nguy hại: Hoạt động chăm sóc heo và hoạt động vận hành các thiết bị, máy móc hỗ trợ chăn nuôi.

- Hoạt động phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hoạt động chăn nuôi heo, hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng, các thiết bị quạt hút của chuồng nuôi; máy bơm nước tuần hoàn của hệ thống làm mát.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### **3.1. Nước thải, khí thải**

##### **3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:**

###### **a) Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, phát sinh với lưu lượng khoảng  $4,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Thành phần chủ yếu là:  $\text{BOD}_5$ , COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform....

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng phát sinh khoảng  $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Thành phần chủ yếu là chất lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

###### **b) Giai đoạn vận hành**

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án, phát sinh với lưu lượng khoảng  $5,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Thông số ô nhiễm đặc trưng:  $\text{BOD}_5$ , COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải chăn nuôi từ các hoạt động tắm cho heo, nước rửa chuồng, nước thải vệ sinh của heo, nước thải phun sương khử mùi, nước rửa xe... phát sinh với lưu lượng khoảng  $279,57 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ . Thông số ô nhiễm đặc trưng:  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS, tổng Nitơ, coliform, E.coli.

##### **3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

###### **a) Giai đoạn thi công xây dựng**

- Hoạt động san nền, hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO,  $\text{NO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ .

- Hoạt động của các phương tiện thi công trên công trường sử dụng dầu DO phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ , CO.

- Hoạt động sơn tường phát sinh hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC); hoạt động hàn cắt để kết nối các kết cấu phát sinh khói hàn, khí thải với thành phần chủ yếu là khói hàn, CO,  $\text{NO}_x$ .

###### **b) Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào trang trại, hoạt động của máy phát điện dự phòng phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO<sub>x</sub>, CO.

- Hoạt động chăn nuôi lợn phát sinh mùi hôi từ khu vực chuồng nuôi, hồ lắng phân, mương thu gom nước thải và nhà để phân sau ép. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>4</sub>.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khí thải có mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CH<sub>4</sub>.

- Hoạt động xử lý, tiêu hủy xác lợn chết phát sinh khí thải có mùi hôi. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CH<sub>4</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S.

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

#### **3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:**

##### **a) Giai đoạn thi công, xây dựng**

Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong quá trình thi công xây dựng dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 45 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

##### **b) Giai đoạn vận hành:**

Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành của dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 63 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

#### **3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:**

##### **a) Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng phục vụ thi công các hạng mục công trình của dự án phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 27,59 tấn. Thành phần chủ yếu là sinh khối thực vật.

- Hoạt động xây dựng phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 201,45 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất đá, bê tông vụn, bùn cặn, sắt thép, xà bần, gạch vỡ, ...

##### **b) Giai đoạn vận hành:**

- Hoạt động chăn nuôi phát sinh phân heo với tổng khối lượng khoảng 29,07 tấn/ngày (trong đó khu vực nuôi heo thịt khoảng 25,2 tấn/ngày và khu vực nuôi heo con cai sữa khoảng 3,87 tấn/ngày); heo chết không do dịch bệnh với khối lượng khoảng 24,8 tấn/đợt; bao bì đựng thức ăn với khối lượng khoảng 135,2 kg/ngày; máng ăn, núm uống hỏng thải phát sinh không thường xuyên với khối lượng 260 kg/năm; tấm làm mát thải bỏ với khối lượng 670,7 kg/năm.

- Hoạt động của hầm biogas phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 1.629,6 kg/ngày.

- Hoạt động vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 25,3 kg/ngày.

### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị xây dựng phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 47 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu, que hàn thải,...

#### *b) Giai đoạn vận hành*

Hoạt động vận hành dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 94 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì cứng thải (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải); bao bì mềm thải (bao bì thuốc thú y thải); gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại; các loại dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu mỡ; pin, ắc quy chì thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.

### *3.3. Tiếng ồn, độ rung*

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

Hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công (xe tải, máy đào, máy đầm, máy ủi, máy trộn vữa, xe lu) và hoạt động khoan, hàn, cắt, đào, đầm phát sinh tiếng ồn, rung chấn.

#### *b) Giai đoạn vận hành*

- Hoạt động chăn nuôi khi đưa lợn nhập chuồng và xuất chuồng; hoạt động của các thiết bị quạt hút tại chuồng nuôi; hoạt động máy bơm nước tuần hoàn của hệ thống làm mát phát sinh tiếng ồn.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

c) Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### *3.4. Các tác động khác*

#### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng:*

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công phát sinh với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,84 m<sup>3</sup>/s. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, cát, lá cây.

- Các tác động đến hệ sinh thái khu vực; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến đời sống của người dân, kinh tế - xã hội của khu vực; tác động lên giao thông khu vực; nguy cơ xảy ra sự cố ngập úng, cháy nổ, tai nạn lao động,

tai nạn giao thông; tác động của hoạt động khai thác nước dưới đất có nguy cơ gây sụt lún, suy giảm, ô nhiễm môi trường nước dưới đất.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án trong giai đoạn vận hành với lưu lượng khoảng  $1,24 \text{ m}^3/\text{s}$ . Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

- Hoạt động khai thác nước dưới đất có nguy cơ gây sụt, lún cục bộ, ô nhiễm nước dưới đất và cạn kiệt tài nguyên nước ngầm của khu vực.

- Quá trình vận hành dự án có nguy cơ xảy ra sự cố dịch bệnh, rò rỉ hóa chất, cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

###### **4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Ưu tiên xây dựng 02 nhà vệ sinh tại khu lán trại công nhân (mỗi nhà vệ sinh gồm 01 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích mỗi bể  $2 \text{ m}^3$ ), để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân tại công trường thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

- Đối với nước thải thi công:

+ Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh bánh xe và thiết bị thi công tại công trường vào 01 hố lắng thể tích khoảng  $10 \text{ m}^3$ , kích thước  $(2,0 \times 3,0 \times 1,8) \text{ m}$  để tách dầu và lắng cặn. Nước thải sau khi lắng và tách dầu được tái sử dụng vào mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và chuyển giao cùng với chất thải rắn thông thường khác của dự án theo quy định. Sau khi thi công xong, san lấp hố rửa bánh xe, hoàn trả mặt bằng cho dự án.

+ Trên tuyến thoát nước tạm thời bố trí các hố ga lắng cặn, sau đó tái sử dụng nước để rửa xe, phun nước trên các sân bãi, các tuyến đường trong khu vực dự án. Đồng thời định kỳ nạo vét các hố ga (01 tuần/lần hoặc khi cần thiết) không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước, gây tắc nghẽn, ngập úng khu vực.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Không để phế thải hay cát xây dựng rơi vào rãnh thoát nước gây tắc nghẽn; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các tuyến mương, rãnh thoát nước mưa với tần suất 01 lần/tháng và ngay sau mỗi trận mưa.

### b) Giai đoạn vận hành

- Đối với nước thải sinh hoạt: xây dựng 12 bể tự hoại 03 ngăn bằng vật liệu bê tông cốt thép (thể tích  $3,0 \text{ m}^3/\text{bể}$ ) để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi:

+ Nước thải từ chuồng nuôi heo (Được thu gom cùng với phân heo theo đường ống dẫn nước thải PVC D350 mm bố trí dọc theo dãy chuồng nuôi) → Hồ thu gom → Bơm, ép tách phân (Tách được khoảng 80% lượng phân lẫn trong nước thải) → Nước thải sau khi đã tách phân (Phân lợn còn lại lẫn trong nước thải ước khoảng 20% lượng phân thu gom) → Hàm biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải từ chuồng nuôi đến các bể thu gom được thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc để dễ thoát nước. Các hạng mục của công trình thu gom nước thải được thiết kế đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất  $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ):

+ Nước thải (Nước thải chăn nuôi được xử lý qua hàm biogas và nước thải sinh hoạt đã được xử lý sơ bộ) → Hồ lắng 1 → Hồ lắng 2 → Hồ lắng 3 → Thiết bị 5 trong 1 keo tụ tạo bông điện tích hết hợp lắng, tuyển nổi, oxi hóa và cô đặc bùn → Khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý (đạt QCVN 62-MT:2025/BTNMT, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng) → Hồ chứa nước tái sử dụng (tuần hoàn, tái sử dụng toàn bộ vào mục đích tưới gốc cây trồng và mục đích phù hợp khác trong khuôn viên dự án theo quy định của pháp luật).

+ Các bể của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kiên cố, kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm theo quy định; hồ chứa nước thải sau xử lý và chứa nước tái sử dụng của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kiên cố, có lót đáy toàn bộ bằng màng chống thấm HDPE theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng; thành hồ thiết kế cao hơn 0,5 m so với mặt đất, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước sau xử lý, chống nước mưa chảy tràn vào hồ và chống rò rỉ nước thải sau xử lý ra ngoài môi trường.

+ Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép được tái sử dụng toàn bộ cho tưới cây xanh trong khuôn viên dự án, đảm bảo không xả thải ra ngoài môi trường (nước thải tái sử dụng cho tưới gốc cây trồng trên diện tích  $76.377,53 \text{ m}^2$  đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án và đảm bảo dung tích hồ chứa nước sau xử lý đáp ứng yêu cầu lưu giữ toàn bộ nước thải của dự án trong mùa mưa).

### c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) và QCVN 01-195:2022/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, được lưu chứa tại hồ chứa nước dự trữ để tái sử dụng theo đúng quy định của pháp luật và không xả ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Xây dựng hàng mục tường rào bao quanh dự án để giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

- Tận dụng lượng đất đá thải để san lấp mặt bằng, không vận chuyển ra ngoài khu vực dự án; trường hợp có phát sinh dư thừa thì lập phương án quản lý, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu và chuyên chở đúng trọng tải quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

- Phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa dọc tuyến đường vận chuyển và mặt bằng công trường thi công của dự án.

- Bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực cổng ra vào của công trường để rửa sạch bùn đất của các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

##### b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, con giống, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm lợn thịt ra vào Dự án: Xây dựng kế hoạch vận chuyển và chế độ bốc dỡ hàng hóa hợp lý; bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu

vực kho; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định cho công nhân; trồng cây xanh trong các khu vực đất trống, trên các tuyến đường nội bộ.

- Biện pháp đối với khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng: Máy phát điện đặt trong phòng máy riêng thuộc khu kỹ thuật, cách biệt khu vực văn phòng, khu vực chăn nuôi.

- Biện pháp đối với khí sinh học phát sinh từ bể biogas: lắp đặt và vận hành hệ thống thu hồi khí phát sinh ra từ hầm biogas và lắp đầu van đốt bỏ có kiểm soát (quy trình như sau: Khí sinh học từ bể biogas → bộ bể hơi nước ngưng tụ → bộ lọc sỏi → bộ lọc than hoạt tính → đầu đốt khí sinh học).

- Biện pháp đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi lợn: Thiết kế dãy chuồng nuôi tại vị trí cuối hướng gió, lắp đặt các quạt hút khí thải ở cuối mỗi chuồng nuôi, đảm bảo vị trí lắp đặt quạt hút mùi không nằm tại vị trí có hướng gió chủ đạo. Thiết kế lắp đặt hệ thống phun sương và các đầu béc phun có pha các chế phẩm xử lý mùi phía sau giàn quạt hút chuồng nuôi.

- + Quy trình hoạt động của hệ thống phun sương khử mùi hôi phía sau giàn quạt hút chuồng nuôi như sau: Mùi hôi từ sau giàn quạt hút → Hệ thống đường ống cấp chế phẩm khử mùi hôi và béc phun sương → Môi trường.

- + Thực hiện phun chế phẩm EM khử mùi tại các chuồng nuôi với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với hơi hóa chất khử trùng chuồng trại chăn nuôi: Thực hiện chế độ phun thuốc sát trùng theo quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; lựa chọn những sản phẩm khử trùng có thành phần thảo dược, lành tính nhưng mang lại hiệu quả cao, phổ khử trùng rộng và an toàn cho vật nuôi và người sử dụng; không chế nồng độ và liều lượng thuốc khử trùng mỗi lần sử dụng theo đúng hướng dẫn sử dụng của hãng sản xuất và chỉ định của bác sĩ thú y. Sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Hồ gom phân thiết kế dạng có nắp đậy kín, ống thoát nước có độ dốc hợp lý, không để phân tồn đọng lâu trong bể chứa phân; thực hiện ép khô và ủ phân bằng chế phẩm sinh học thường xuyên. Hồ thu phân được đặt ở gần nhà để máy ép phân nằm trong khu xử lý chất thải của dự án; nước thải từ hầm biogas được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung theo đường ống HDPE kín.

- Nhà chứa nhân và nhà ép phân lưu chứa phân sau ép được xây dựng thông thoáng, có mái che, nền nhà bằng bê tông, xây tường bao xung quanh để tránh nước mưa chảy tràn; bã phân lợn sau khi ép được phun xịt thêm chế phẩm sinh học, khử mùi, đóng bao và bàn giao với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. Thực hiện phun chế phẩm khử mùi tại khu ép phân và nhà chứa phân phân sau ép với tần suất 02 lần/ngày để giảm mùi hôi xung quanh khu vực này.

- Hầm tiêu huỷ xác lợn chết và nhau thai lợn được bố trí cách xa khu vực chuồng trại, nhà quản lý. Hầm được thiết kế xây dựng bằng bê tông và có nắp đáy HDPE kín; thực hiện rắc vôi bột (tần suất 01 lần/tuần) hoặc phun chlorine (tần suất 02 lần/tuần) phía trên mặt hầm để diệt khuẩn và hạn chế phát tán mùi trong không khí.

- Các biện pháp khác:

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực dự án, cách ly dự án với khu vực lân cận.

+ Bê tông đường giao thông nội bộ. Trồng và duy trì diện tích cây xanh, bao gồm: dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào dự án, các khu vực xây dựng hầm tiêu huỷ xác lợn chết, hệ thống xử lý nước thải, hồ chứa nước và vị trí có phát sinh mùi hôi trong phạm vi dự án đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

#### **4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ sinh khối, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng tại khu chăn nuôi lợn thịt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí khoảng 02 thùng rác có nắp đáy dung tích khoảng 120 lít/thùng tại công trường thi công để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng (như sắt thép vụn, bao bì xi măng, ...) được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu; hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn thông thường khác theo quy định. Đối với các loại đất, đá, cát dư thừa trong quá trình xây dựng công trình được thu gom, tận dụng san lấp trong khu vực dự án, trường hợp có phát sinh dư thừa thì lập phương án quản lý, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy (thể tích 60 lít) tại các khu vực có phát sinh chất thải (dọc đường giao thông nội bộ, nhà ăn, nhà ở công nhân, văn phòng, khu vực xung quanh...). Chất thải trong thùng chứa được thu gom về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt sau đó được hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải chăn nuôi:

+ Bó trí 01 kho chứa chất thải rắn chăn nuôi thông thường có diện tích 15 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 lần/tháng.

+ Bao bì thức ăn gia súc: Bao bì thức ăn gia súc đã qua sử dụng sẽ được thu gom tập trung vào kho chứa chất thải chăn nuôi không nguy hại và tận dụng vào mục đích chứa bã phân lợn khô sau ép.

+ Phân lợn: Sử dụng máy ép tách bã phân khô chuyên dụng để tách lọc phân thô ra khỏi nước thải, bã phân sau khi ép được phun xịt thêm chế phẩm sinh học để khử mùi và thực hiện ủ phân (trong điều kiện hiếu khí có đảo trộn với thời gian ủ phân là 25 ngày, có che phủ bằng bạt; trong quá trình ủ phân có sử dụng chế phẩm sinh học EM và nấm Trichoderma để tiêu diệt vi khuẩn, mầm bệnh theo đúng quy định), sau đó đóng bao loại 25kg và lưu chứa tại kho chứa. Hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Lợn chết không do dịch bệnh và nhau thai: Được thu gom và đưa về 01 nhà hủy xác lợn chết không do dịch bệnh tại phía Bắc khu chăn nuôi lợn thịt có diện tích 468,48 m<sup>2</sup> xử lý bằng phương pháp ủ xác động vật. Kết cấu của nhà hủy xác bê tông phủ vật liệu chống thấm, thực hiện chống thấm chống rò rỉ và mầm bệnh phát tán vào môi trường đất, nước ngầm. Nhà hủy xác heo chết được thiết kế theo đúng quy cách theo quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và tuân thủ QCVN 01-41:2011/BNNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Bùn thu gom từ bể tự hoại là chất thải rắn thông thường được thuê đơn vị có chức năng định kỳ bơm hút trực tiếp lên bồn chứa trên phương tiện của đơn vị bơm hút bùn để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn thải thu gom từ bể biogas (Được thu gom định kỳ 02 lần/năm) → Máy ép để tách nước → nhà chứa phân và ủ chung với phân heo.

+ Bùn thải thu gom từ hệ thống xử lý nước thải (Được thu gom định kỳ 01 lần/năm) → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → nhà chứa phân và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định đối với chất thải công nghiệp thông thường.

- Công trình lưu chứa: Nhà để máy ép phân + Kho phân (Diện tích 200 m<sup>2</sup>); sân phơi bùn (Diện tích 211,20 m<sup>2</sup>; kết cấu bê tông cốt thép).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện quản lý, giám sát, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 4,0 m<sup>2</sup>. Kho kết cấu khung thép quay tôn, mái lợp tôn, láng nền bê tông xi măng, treo biển cảnh báo chất thải nguy hại, có gờ bao, rãnh thu gom chất thải tràn đổ và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Chất thải nguy hại được phân loại, phân định, dán nhãn và bố trí vào các thùng chứa (Bố trí tối thiểu 04 thùng chứa dung tích 120 lít) và hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m<sup>2</sup>, kho được thiết kế nền bê tông chống thấm, chống rò rỉ, tường xây, quét sơn nước, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và rãnh thu gom chất thải tràn đổ theo đúng quy định về chất thải nguy hại

- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, phân loại và lưu giữ vào các thùng chứa chuyên dụng (tối thiểu là 10 thùng chứa, có nắp đậy kín, dung tích 120 lít) đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại. Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với xác heo chết do dịch bệnh:

- + Chủ dự án chủ động thông báo với chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành có liên quan; phối hợp thực hiện các biện pháp khống chế dịch và xử lý xác heo nhiễm bệnh theo đúng các quy định của chính quyền địa phương và cơ quan chức năng có thẩm quyền. Tuân thủ quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; QCVN 01- 41:2011/BNNT - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Chất thải nguy hại phát sinh phải được lưu chứa, quản lý, xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

#### **4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông trong khu vực có dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển trong khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

#### **4.3.2. Giai đoạn vận hành**

- Tuân thủ quy trình chăn nuôi, bảo đảm tuân thủ quy trình chăm sóc lợn, cho lợn ăn đúng giờ với khẩu phần ăn đầy đủ, cân đối.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, không để người lao động có thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian liên tục quá 08 tiếng, làm việc theo ca, trang bị quần áo bảo hộ lao động và thực hiện đúng các chế độ về an toàn lao động.

- Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực để đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực dự án.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

##### **4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

###### **a) Giai đoạn thi công, xây dựng:**

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động, tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động...

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ, đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm...

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

###### **b) Giai đoạn vận hành**

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải:

+ Xây dựng và vận hành hồ sự cố với dung tích chứa 1.848,78 m<sup>3</sup> có thành và đáy lót bằng vật liệu chống thấm HDPE; trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được lưu giữ tại hồ sự cố và nhanh chóng khắc phục sự cố, sau đó bơm ngược lại về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp đáp ứng yêu cầu. Hồ sự cố phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

+ Lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; xây dựng các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung với dung tích chứa phù hợp để đảm bảo thời gian lưu nước tối đa và công suất bơm đáp ứng yêu cầu trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải để nhanh chóng khắc phục, vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi dẫn về chứa tại hồ chứa sau xử lý.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hằng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ hầm biogas:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế bể biogas, sử dụng nguyên liệu bạt HPDE đúng quy cách và phù hợp với quy mô của bể biogas. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống dẫn khí biogas đảm bảo khí gas không bị rò rỉ, xảy ra sự cố cháy nổ. Định kỳ kiểm tra, gia cố lớp bạt phủ biogas bên trên bể để kịp thời phát hiện các lỗ một rò rỉ khí và tiến hành sửa chữa kịp thời. Bố trí các biển báo “cấm lửa” xung quanh khu vực bể biogas, thực hiện nghiêm túc nội quy làm việc xung quanh khu vực hệ thống biogas.

+ Lắp đặt đường ống thu gom khí biogas dẫn về thiết bị đốt bỏ khí biogas để phòng ngừa các trường hợp cháy, nổ. Vận hành hệ thống đốt bỏ khí biogas đảm bảo tuân thủ kỹ thuật vận hành của nhà sản xuất. Có chế độ bảo dưỡng và kiểm tra, thay thế linh kiện định kỳ đối với các bộ phận đồng hồ đo áp suất, bộ chống cháy, bộ chống lửa, van cấp khí.

+ Trường hợp xảy ra sự cố vỡ, bục, rò rỉ bể biogas, tiến hành sửa chữa hoặc thay thế vật liệu phủ khác cho bể.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phương án giảm thiểu tác động đến công trình khai thác nước dưới đất:

+ Thiết lập các vùng phòng hộ vệ sinh của vùng khai thác; Lập thủ tục xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo đúng quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

+ Thu gom triệt để lượng chất thải rắn, phân heo và nước thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi để tránh gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, làm suy giảm chất lượng nước ngầm. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát diễn biến lưu lượng, mực nước, chất lượng nguồn nước tại giếng khai thác.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp, thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố từ hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống quạt hút, quạt thông thoáng nhà xưởng. Bố trí quạt hút dự phòng nhằm bảo đảm hệ thống vận hành ổn định trong trường hợp

xảy ra sự cố, duy trì khả năng hút mùi, đồng thời hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân. Định kỳ thực hiện duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

#### 4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế, xã hội khu vực: Ưu tiên sử dụng nhân lực của địa phương, tiến hành các thủ tục khai báo, đăng ký đối với cán bộ công nhân tham gia thi công, quản lý cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng dự án nghiêm ngặt về thời gian và nội quy...

- Phát quang bằng biện pháp thủ công; không thực hiện xử lý thực bì bằng phương pháp đốt; thu dọn và hoàn trả mặt bằng sau khi thi công; sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

##### b) Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai môi trường: Thường xuyên theo dõi thông tin tình hình mưa lũ; gia cố, chằng chống chuồng trại, cắt tỉa cành cây; định kỳ kiểm tra, giám sát hệ thống rãnh thu, hố lắng, khơi thông dòng chảy các hệ thống thoát nước...

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh: Bố trí các biện pháp khử trùng, vệ sinh dụng cụ chăn nuôi và phương tiện giao thông, người ra vào dự án; định kỳ 01 lần/tuần theo dõi và ghi chép tình trạng sức khỏe của đàn vật nuôi; ...

- Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội: Ưu tiên sử dụng nhân lực của địa phương; giáo dục, tuyên truyền ý thức công dân đối với công nhân viên; kết hợp cơ quan quản lý địa phương thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư tại địa bàn, đảm bảo an ninh trật tự.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện Chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

#### 5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

##### 5.1.1. Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động thi công xây dựng dự án về phía cuối hướng gió; 01 điểm tại nhà dân gần nhất cách dự án khoảng 590 m).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$ , CO, Vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### 5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực thi công xây dựng dự án.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

## 5.2. Giai đoạn vận hành

### 5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại điểm đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày (tại hồ chứa nước thải sau xử lý).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Cl<sup>-</sup>, As, Cd, Cr, Hg, Pb Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng nitơ, Tổng Phospho, Tổng Coliform, E.coli.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

### 5.2.2. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 vị trí gần khu vực hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí sau hệ thống quạt hút mùi từ chuồng trại nuôi heo thịt và 01 vị trí sau hệ thống quạt mùi từ chuồng trại nuôi heo con cai sữa).

- Thông số quan trắc: CH<sub>4</sub>; NH<sub>3</sub>, Metyl mercaptan.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

### 5.2.3. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Vị trí giám sát nước ngầm: 05 điểm tại 05 giếng khoan của dự án.

- Thông số giám sát: pH, pemanganat, Tổng chất rắn hoà tan (TDS), độ cứng tổng số (tính theo CaCO<sub>3</sub>), Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N), Nitrit (NO<sub>2</sub><sup>-</sup> tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup> tính theo N), Clorua (Cl<sup>-</sup>), Sulfat (SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>), Tổng Coliform, E.Coli.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

#### 5.2.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Kho phân; khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và khu vực tiêu hủy lợn chết không do dịch bệnh.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 5.2.5. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại; khu vực tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án), báo cáo đột xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

#### 5.2.5. Giám sát sự cố môi trường và giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Thực hiện giám sát môi trường lao động; công tác phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động; công tác phòng chống dịch bệnh, nguy cơ lan truyền bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy lợn chết (do dịch bệnh và không do dịch bệnh); các nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa; hoạt động vận hành hệ thống nước thải và các giám sát khác theo *quy định của pháp luật; cập nhật thông tin giám sát vào Sổ nhật ký để theo dõi*

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Chỉ được phép triển khai Dự án khi hoàn tất thủ tục môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản... theo quy định của pháp luật hiện hành; công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định về quy hoạch xây dựng.

6.3. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án, hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh khu vực. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án đạt QCVN 62 - MT:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

6.4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió, chiếu sáng, trồng cây xanh và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, mùi hôi trong giai đoạn vận hành; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

6.5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất phục vụ hoạt động của dự án. Lập hồ sơ thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất trình cấp có thẩm quyền

xem xét, cấp phép trước khi tiến hành các hoạt động thăm dò, khai thác. Thực hiện nghiêm chế độ quan trắc, giám sát mực nước, lưu lượng khai thác, phân tích chất lượng nước và báo cáo định kỳ quá trình khai thác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.6. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường và khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, có giải pháp kỹ thuật tại các khu vực phát sinh mùi để hạn chế mùi phát tán. Bố trí lối đi riêng để thuận lợi trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại dự án.

6.7. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường và các cơ quan có liên quan nơi để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

6.8. Thực hiện thu gom phân thải tại nhà ép phân và nhà chứa phân theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Hợp đồng chuyển giao với đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Phương tiện, thiết bị chuyên dụng vận chuyển phân heo ra khỏi trang trại đến nơi xử lý phải đảm bảo kín khít, không bị tràn đổ, rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường đúng theo quy định.

6.9. Quản lý và sử dụng hóa chất, thuốc thú y theo đúng quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng những giống lợn, loại thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam và chỉ sử dụng chế phẩm sinh học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố và cho phép sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.

6.10. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; an toàn lao động vệ sinh công nghiệp, an toàn hóa chất, an toàn giao thông; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước, ứng phó sự cố, phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.11. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập hồ sơ môi trường sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình xây dựng và hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.



6.12. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.13. Bảo đảm thực hiện quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; nghiên cứu, áp dụng công nghệ xử lý triệt để mùi hôi trong quá trình chăn nuôi với phương hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính về “0” vào năm 2050 để đảm bảo phát triển bền vững.

6.14. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

6.15. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.16. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.